

Số: **26** /2014/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày **25** tháng 8 năm 2014

## **THÔNG TƯ**

### **Quy định yêu cầu về nhà xưởng, trang thiết bị đối với cơ sở đóng mới, nâng cấp, cải hoán tàu cá**

*Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 05 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (sau đây gọi là Nghị định số 59/2005/NĐ-CP); Nghị định số 14/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 02 năm 2009 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản,*

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định yêu cầu về nhà xưởng, trang thiết bị đối với cơ sở đóng mới, nâng cấp, cải hoán tàu cá.*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định yêu cầu về nhà xưởng, trang thiết bị đối với cơ sở đóng mới, nâng cấp, cải hoán tàu cá có tổng công suất máy chính từ 90 CV trở lên.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đóng mới, nâng cấp, cải hoán tàu cá có tổng công suất máy chính từ 90 CV trở lên.

**Điều 3. Yêu cầu về nhà xưởng, trang thiết bị đối với cơ sở đóng mới, nâng cấp, cải hoán tàu cá vỏ gỗ**

Cơ sở đóng mới, nâng cấp, cải hoán tàu cá vỏ gỗ phải đáp ứng các yêu cầu về nhà xưởng, trang thiết bị tối thiểu theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 4. Yêu cầu về nhà xưởng, trang thiết bị đối với cơ sở đóng mới, nâng cấp, cải hoán tàu cá vỏ vật liệu mới (composite)**

Cơ sở đóng mới, nâng cấp, cải hoán tàu cá vỏ vật liệu mới (composite) phải đáp ứng các yêu cầu về nhà xưởng, trang thiết bị tối thiểu theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 5. Yêu cầu về nhà xưởng, trang thiết bị đối với cơ sở đóng mới, nâng cấp, cải hoán tàu cá vỏ thép**

Cơ sở đóng mới, nâng cấp, cải hoán tàu cá vỏ thép phải đáp ứng các yêu cầu về nhà xưởng, trang thiết bị tối thiểu theo quy định tại Phụ lục số III ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đóng mới, nâng cấp, cải hoán tàu cá trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, đánh giá điều kiện của các cơ sở đóng mới, nâng cấp, cải hoán tàu cá trên địa bàn tỉnh; hàng năm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố các cơ sở đóng tàu đủ điều kiện theo quy định và báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Tổng cục Thủy sản).

2. Tổng cục Thủy sản có trách nhiệm:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Thông tư này cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đóng mới, nâng cấp, cải hoán tàu cá;

b) Hướng dẫn các địa phương kiểm tra, đánh giá các cơ sở đóng mới, nâng cấp, cải hoán tàu cá theo quy định.

c) Tổng hợp trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố danh sách các cơ sở đóng mới, nâng cấp, cải hoán tàu cá đáp ứng các điều kiện theo quy định.

## **Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2014.
2. Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Tổng cục Thủy sản) để tổng hợp trình Bộ xem xét, quyết định./.

### ***Nơi nhận:***

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Các Tổng cục, Cục, Vụ có liên quan thuộc Bộ NN&PTNT;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Website Chính phủ, Công báo Chính phủ;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, TCTS.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

(đã ký)

**Vũ Văn Tám**

Phụ lục I

**YÊU CẦU VỀ NHÀ XUỞNG, TRANG THIẾT BỊ TỐI THIỂU ĐỐI VỚI CƠ SỞ ĐÓNG MỚI, NÂNG CẤP, CẢI HOÁN TÀU CÁ VỎ GỖ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	NỘI DUNG	ĐVT	LOẠI TÀU	
			Tàu cá có tổng công suất máy chính từ 90 CV đến dưới 400 CV	Tàu cá có tổng công suất máy chính từ 400 CV trở lên
1	Diện tích mặt bằng	m <sup>2</sup>	1.500	3.000
2	Nhà điều hành	m <sup>2</sup>	100	200
3	Trang thiết bị để hạ thủy tàu phù hợp với trọng lượng tàu đóng	Bộ	01	01
4	Vùng nước neo đậu tàu có khả năng neo đậu tối thiểu		4 tàu có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên	4 tàu có chiều dài lớn nhất từ 20m trở lên
5	Trang thiết bị thi công phần vỏ			
-	Máy cưa xọc	Chiếc	01	01
-	Máy cưa vòng	Chiếc	-	01
-	Máy cưa đĩa	Chiếc	01	02
-	Máy cưa cầm tay	Chiếc	03	06
-	Máy bào phẳng gỗ	Chiếc	02	02
-	Máy đục gỗ	Chiếc	01	01
-	Máy khoan cầm tay	Chiếc	03	06
-	Kích các loại	Chiếc	04	08
-	Vam (cảo) vòng cung dùng lắp ráp ván vỏ và khung xương	Chiếc	06	10
-	Dàn uốn gỗ	Bộ	01	01
6	Trang thiết bị thi công, lắp đặt cơ khí- máy – điện			
-	Máy tiện vạn năng	Chiếc	01	01

-	Máy khoan cần	Chiếc	01	01
-	Máy mài 2 đá	Chiếc	01	02
-	Máy hàn hồ quang tay	Chiếc	01	02
-	Bộ hàn hơi (gió đá)	Bộ	01	02
-	Máy nén khí	Chiếc	01	02
-	Máy bào	Chiếc	01	01
-	Palăng xích	Chiếc	01	03
-	Thiết bị đo đạc, kiểm tra (đồng hồ so, panme, thước cặp, thước lá, bộ lá căn, đồng hồ đo áp suất, nhiệt độ, bút thử điện, vôn kế, ampe kế, ampe kìm, điện trở kế, thiết bị đo độ ẩm gỗ)	Bộ	01	01
-	Dụng cụ tháo, lắp, sửa chữa (kìm, cơ lê, mỏ lết, êtô, thiết bị tháo chân vít, bàn mài, thiết bị đo áp lực vòi phun)	Bộ	01	01
-	Thiết bị thử kín nước, thử thủy lực, thử áp lực	Bộ	01	01
7	Xe cẩu trọng tải $\geq 5$ tấn	Chiếc	01	01

Trường hợp cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá không có máy cưa vòng, xe cẩu như quy định tại Phụ lục này phải có hợp đồng thuê các trang thiết bị trên.

Phụ lục II

**YÊU CẦU VỀ NHÀ XƯỞNG, TRANG THIẾT BỊ TỐI THIỂU ĐỐI VỚI CƠ SỞ ĐÓNG MỎI, NÂNG CẤP, CẢI HOÁN TÀU CÁ VỎ VẬT LIỆU MỎI (COMPOSITE)**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	NỘI DUNG	ĐVT	LOẠI TÀU	
			Tàu cá có tổng công suất máy chính từ 90 CV đến dưới 400 CV	Tàu cá có tổng công suất máy chính từ 400 CV
1	Diện tích mặt bằng	m <sup>2</sup>	2.000	3.000
2	Nhà điều hành	m <sup>2</sup>	150	200
3	Trang thiết bị để hạ thủy tàu phù hợp với trọng lượng tàu đóng		01	01
4	Vùng nước neo đậu tàu có khả năng neo đậu		4 tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 m trở lên	4 tàu có chiều dài lớn nhất từ 20m trở lên
5	Diện tích xưởng chế tạo vỏ (xưởng dát)	m <sup>2</sup>	500	800
-	Các trang thiết bị cần thiết phục vụ công việc dát vỏ tàu	Bộ	02	02
6	Kho chứa nguyên liệu	Kho	01	01
7	Trang thiết bị thi công, lắp đặt cơ khí – máy – điện:			
-	Máy tiện vạn năng	Chiếc	01	01
-	Máy khoan cần	Chiếc	01	01
-	Máy mài 2 đá	Chiếc	01	02

-	Máy hàn hồ quang tay	Chiếc	01	02
-	Bộ hàn hơi (gió đá)	Bộ	01	02
-	Máy nén khí	Chiếc	01	02
-	Máy bào	Chiếc	01	01
-	Palăng xích	Chiếc	02	03
-	Thiết bị đo đạc, kiểm tra (đồng hồ so, panme, thước cặp, thước lá, bộ lá căn, đồng hồ đo áp suất, nhiệt độ, bút thử điện, vôn kế, ampe kế, ampe kìm, điện trở kế)	Bộ	01	01
-	Dụng cụ tháo, lắp, sửa chữa (kìm, cơ lê, mỏ lết, êtô, thiết bị tháo chân vịt, bàn mấp, thiết bị đo áp lực vòi phun)	Bộ	01	01
-	Thiết bị thử kín nước, thử thủy lực, thử áp lực	Bộ	01	01
8	Cầu trục đôi (có thể thay bằng cầu trục đơn) có tổng trọng tải tối thiểu 15 tấn	Chiếc	01	01
9	Xe cầu trọng tải $\geq 5$ tấn	Chiếc	01	01

Phụ lục III

**YÊU CẦU VỀ NHÀ XƯỞNG, TRANG THIẾT BỊ TỐI THIỂU ĐỐI VỚI CƠ SỞ ĐÓNG MỚI, NÂNG CẤP, CẢI HOÁN TÀU CÁ VỎ THÉP**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	NỘI DUNG	ĐVT	LOẠI TÀU	
			Tàu cá có tổng công suất máy chính từ 90 CV đến dưới 400 CV	Tàu cá có tổng công suất máy chính từ 400 CV
1	Diện tích mặt bằng	m <sup>2</sup>	3.000	5.000
2	Ụ nổi (ụ khô) hoặc đường triền nâng, hạ tàu (có hệ thống tời kéo và xe triền)	Chiếc	01	01
3	Vùng nước neo đậu tàu có khả năng neo đậu		03 tàu có chiều dài lớn nhất từ 20 m trở lên	04 tàu có chiều dài lớn nhất từ 20m trở lên
4	Xưởng vỏ	Xưởng	01	01
5	Trang thiết bị xưởng vỏ			
-	Máy cắt tôn CNC	Chiếc	01	01
-	Máy cắt cơ khí có khả năng cắt tôn với chiều dày tối đa 10 mm	Chiếc	01	01
-	Máy lóc tôn vỏ	Chiếc	01	01
-	Máy uốn tôn	Chiếc	-	01
-	Máy vát mép tôn	Chiếc	01	01
-	Máy hàn hồ quang tay	Chiếc	05	10
-	Máy hàn bán tự động	Chiếc	01	02
-	Hệ thống làm sạch bề mặt tôn (phun cát, phun hạt)	Bộ	01	01
-	Hệ thống máy phun sơn	Bộ	01	01
-	Thiết bị thử kín nước, thử thủy lực, thử áp lực	Bộ	01	01
-	Thiết bị bảo quản và sấy vật liệu hàn	Chiếc	01	01



7	Xưởng cơ khí – máy – điện	Xưởng	01	01
8	Trang thiết bị xưởng cơ khí – máy – điện:			
-	Máy tiện vạt năng băng dài	Chiếc	01	01
-	Máy tiện vạt năng	Chiếc	01	01
-	Máy khoan cần	Chiếc	01	02
-	Máy mài 2 đá	Chiếc	01	03
-	Máy hàn hồ quang tay	Chiếc	02	03
-	Bộ hàn hơi (gió đá)	Bộ	01	02
-	Máy nén khí	Chiếc	01	02
-	Máy bào ngang	Chiếc	01	01
-	Máy phay vạt năng	Chiếc	01	01
-	Máy uốn ống	Chiếc	01	01
-	Thiết bị đo đạc, kiểm tra (đồng hồ so, panme, thước cặp, thước lá, bộ lá căn, đồng hồ đo áp suất, nhiệt độ, bút thử điện, vôn kế, ampe kế, ampe kìm, điện trở kế)	Bộ	01	01
-	Dụng cụ tháo, lắp, sửa chữa (kìm, cơ lê, mỏ lết, êtô, thiết bị tháo chân vít, bàn máp, thiết bị đo áp lực vòi phun)	Bộ	01	01
9	Cầu trục đôi (có thể thay bằng cầu trục đơn) có tổng trọng tải tối thiểu 25 tấn	Chiếc	01	01
10	Xe cẩu trọng tải tối thiểu 30 tấn	Chiếc	01	01